

Lạng Sơn, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH
DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN ĐỘI THỂ THAO VÀ QUY
ĐỊNH MỨC CHI TỔ CHỨC CÁC GIẢI THỂ THAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN THAY THẾ NGHỊ QUYẾT SỐ
11/2021/NQ-HĐND NGÀY 17/7/2021
(Kèm theo phụ lục so sánh)

1. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế

NGHỊ QUYẾT 11/2021	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
Tên Nghị quyết: quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên; chế độ chi tiêu tài chính; tiền thưởng đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Tên Nghị quyết: quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao và quy định mức chi tổ chức các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Đổi tên dự thảo Nghị quyết ngắn gọn tập trung vào nội dung chính và bám sát đồng bộ các nội dung theo Nghị định 349/2025/NĐ-CP và Thông tư 117/2025/TT/BTC.
Nghị quyết cũ chưa bao quát đầy đủ đối tượng, chưa quy định cụ thể cấp cơ sở	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định về các chế độ tiền lương, hỗ trợ tiền dinh dưỡng tập huấn, thi đấu bảo hiểm xã hội đối với thành viên đội thể thao thuộc địa phương quản lý; quy định các mức chi cụ thể để tổ chức các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Điều 2. Đối tượng áp dụng a) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển thể thao cấp tỉnh theo quy định của Luật Thể dục thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14 tham gia tập trung tập huấn, thi đấu thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Lạng Sơn. b) Huấn luyện viên, vận động viên đội thể thao các xã, phường, cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là cấp cơ sở) tham gia tập huấn, thi đấu thuộc quyền quản lý của đơn vị.	Dự thảo đã tích hợp đối tượng tại các Nghị quyết cũ và mở rộng đầy đủ đối tượng, không chỉ gồm HLV, VĐV, lực lượng phục vụ và các chủ thể tổ chức giải. Đặc biệt, đưa cấp xã và các ngành vào phạm vi điều chỉnh một cách chính thức, phù hợp thực tế tổ chức phong trào thể thao và mô hình chính quyền hai cấp. Điều này bảo đảm tính khả thi khi triển khai ở cơ sở.

	<p>2. Thành viên tổ chức giải thể thao cấp tỉnh, gồm:</p> <p>a) Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức và các tiểu ban Đại hội thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng; thành viên Ban Tổ chức và các tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu; Trọng tài, giám sát điều hành, trợ lý các giải thi đấu; thư ký trọng tài, điều phối viên môn bóng đá.</p> <p>c) Công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng liên quan khác thực hiện nhiệm vụ tại các điểm tổ chức thi đấu các giải thi đấu thể thao.</p> <p>d) Đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ phục vụ lễ khai mạc Đại hội TDTT, Hội khỏe Phù Đổng (gồm người tập và giáo viên quản lý, hướng dẫn).</p>	
<p>Nghị quyết 11/2021 của HĐND tỉnh chưa hệ thống về giải thích từ ngữ</p>	<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p>Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. Thành viên đội thể thao là công dân Việt Nam bao gồm huấn luyện viên, vận động viên đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được triệu tập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền để tham gia tập trung tập huấn và thi đấu.</p> <p>2. Đội thể thao của tỉnh là huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập để tham gia tập huấn, thi đấu các giải thể thao thành tích cao theo quy định của Luật Thể dục thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14, gồm: Đội tuyển tỉnh; Đội tuyển trẻ tỉnh; Đội tuyển năng khiếu tỉnh.</p> <p>3. Đội thể thao cấp cơ sở là huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập vào đội tuyển của các xã, phường, cơ quan, tổ chức, đơn vị tham gia thi đấu tại Đại hội Thể dục thể thao tỉnh Lạng Sơn, các giải thi đấu thể thao, hội thi thể thao do các sở, ban, ngành, liên đoàn, hội thể thao cấp tỉnh tổ chức hoặc đăng cai tổ chức (gọi chung là giải thi đấu thể thao cấp tỉnh).</p>	<p>Nội dung Điều này là bổ sung mới, các nghị quyết hiện hành của HĐND tỉnh chưa quy định hoặc quy định chưa đầy đủ, chưa hệ thống về giải thích từ ngữ.</p> <p>- Nội dung kế thừa: Một số khái niệm cơ bản về huấn luyện viên, vận động viên, đội tuyển được kế thừa từ các quy định của pháp luật hiện hành về thể dục, thể thao.</p> <p>- Nội dung bổ sung: Bổ sung hệ thống khái niệm đầy đủ, thống nhất gồm: thành viên đội tuyển thể thao; phân loại đội tuyển (tỉnh, trẻ, năng khiếu; đội tuyển cấp cơ sở); khái niệm giải thi đấu thể thao cấp cơ sở; hoạt động tập trung tập huấn, thi đấu; và các thuật ngữ về đại hội, giải thi đấu thể</p>

	<p>4. Giải thi đấu thể thao cấp cơ sở gồm: đại hội thể dục thể thao xã, phường, cơ quan, tổ chức, đơn vị; các giải thi đấu thể thao, hội thi thể thao của các xã, phường tổ chức.</p> <p>5. Các nội dung thi đấu cá nhân, đồng đội, tập thể thực hiện theo quy định của Điều lệ giải do cấp có thẩm quyền ban hành.</p> <p>6. Tập trung tập huấn, thi đấu là quá trình huấn luyện, tập luyện, thi đấu có hệ thống để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, thể lực, chiến thuật và tâm lý thi đấu cho vận động viên.</p>	<p>thao quốc tế.</p> <p>- Lý do bổ sung: Bảo đảm thống nhất cách hiểu và áp dụng trong toàn bộ Nghị quyết; Phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực tiễn tổ chức hoạt động thể thao trên địa bàn tỉnh.</p> <p>- Khắc phục tình trạng thiếu thống nhất, khó áp dụng do trước đây chưa có quy định giải thích từ ngữ; Làm cơ sở xác định đúng đối tượng, phạm vi và mức chi khi thực hiện chính sách.</p>
Chưa quy định tại các Nghị quyết 11/2021	<p>Điều 4. Quy định về chính sách đối với thành viên đội thể thao</p> <p>1. Chế độ tiền lương đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu.</p> <p>a) Tiền lương đối với huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu của tỉnh hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hưởng tiền lương theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 4 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.</p> <p>b) Tiền lương đối với huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu của tỉnh không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hưởng tiền lương theo ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu thực hiện theo quy định tại điểm đ, e, g khoản 2, điểm c khoản 3 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.</p> <p>Tiền lương tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường được xác định bằng tiền lương của tháng trước liền kề trước khi huấn luyện viên, vận động viên được</p>	<p>Nội dung Điều này là bổ sung mới, trong đó ngoài việc thực hiện theo Nghị định số 349/2025/NĐ-CP còn có nội dung quy định cụ thể của địa phương:</p> <p>- Nội dung bổ sung: Quy định mức tiền lương đối với huấn luyện viên, vận động viên theo từng tuyển đội tuyển theo Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.</p>

<p>Điều 2. Nội dung và mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập huấn và thi đấu</p> <p>1. Chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn:</p> <table border="1" data-bbox="241 443 813 785"> <tr> <th>STT</th><th>Đội tuyển</th><th>Mức ăn hàng ngày</th></tr> <tr> <td>1</td><td>Đội tuyển cấp tỉnh</td><td>240.000</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Đội tuyển trẻ cấp tỉnh</td><td>200.000</td></tr> <tr> <td>3</td><td>Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh</td><td>160.000</td></tr> <tr> <td>4</td><td>Đội tuyển cấp huyện</td><td>160.000</td></tr> </table> <p>2. Chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung thi đấu tại các giải thể thao thành tích cao quy định tại khoản 14 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục thể thao:</p> <table border="1" data-bbox="241 970 851 1236"> <tr> <th>STT</th><th>Đội tuyển</th><th>Mức ăn hàng ngày</th></tr> <tr> <td>1</td><td>Đội tuyển cấp tỉnh</td><td>320.000</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Đội tuyển trẻ cấp tỉnh</td><td>240.000</td></tr> <tr> <td>3</td><td>Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh</td><td>200.000</td></tr> <tr> <td>4</td><td>Đội tuyển cấp huyện</td><td>200.000</td></tr> </table> <p>3. Thời gian được hưởng chế độ: là số ngày có mặt thực tế tập trung tập huấn và tập trung thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền.</p>	STT	Đội tuyển	Mức ăn hàng ngày	1	Đội tuyển cấp tỉnh	240.000	2	Đội tuyển trẻ cấp tỉnh	200.000	3	Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh	160.000	4	Đội tuyển cấp huyện	160.000	STT	Đội tuyển	Mức ăn hàng ngày	1	Đội tuyển cấp tỉnh	320.000	2	Đội tuyển trẻ cấp tỉnh	240.000	3	Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh	200.000	4	Đội tuyển cấp huyện	200.000	<p>triệu tập tập huấn, thi đấu chỉ cho 26 ngày.</p> <p>Điều 4. Quy định về chính sách đối với thành viên đội tuyển thể thao</p> <p>2. Chế độ dinh dưỡng đối với thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu như sau:</p> <p>a) Thành viên đội thể thao cấp tỉnh trong thời gian tập trung tập huấn theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ dinh dưỡng theo quy định tại điểm c, d, đ khoản 1 Điều 5 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.</p> <p>b) Thành viên đội thể thao cấp tỉnh trong thời gian tập trung thi đấu tại các giải thể thao thành tích cao quy định tại các khoản 2, 4, 5, 6, 7 Điều 37 Luật Thể dục thể thao năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) được hưởng chế độ dinh dưỡng theo quy định tại điểm b, c, d khoản 3 Điều 5 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.</p> <p>c) Thành viên đội thể thao cơ sở trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu theo quyết định có thẩm quyền được hưởng chế độ dinh dưỡng bằng 60% mức chi của thành viên đội tuyển cấp tỉnh.</p> <p>3. Chế độ bảo hiểm: Huấn luyện viên, vận động viên và các thành viên liên qua trong thời gian được triệu tập, tập trung tập huấn và tham gia thi đấu được bảo đảm tham gia các loại bảo hiểm theo quy định của pháp luật, bao gồm: bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.</p> <p>Đối với các đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, việc tham gia và đóng các loại bảo hiểm nêu trên thực hiện tại cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng huấn luyện viên, vận động viên theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>- Kế thừa chính sách dinh dưỡng đặc thù đang áp dụng theo Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND, đồng thời điều chỉnh tăng mức chi phù hợp với khung chính sách mới của Trung ương tại Nghị định 349/2025/NĐ-CP và yêu cầu bảo đảm điều kiện dinh dưỡng thực tế trong tập trung tập huấn, thi đấu; Điều chỉnh mức chi theo hướng tương xứng với cường độ vận động, yêu cầu phục hồi thể lực và đặc thù thi đấu của huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao.</p> <p>- Bổ sung đối tượng áp dụng gồm huấn luyện viên, vận động đội tuyển thể thao cấp cơ sở Lý do trước đây chưa được quy định, bảo đảm bao quát đầy đủ các lực lượng tham gia tập huấn, thi đấu trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Bổ sung quy định về chế độ Bảo hiểm bảo đảm quyền lợi và an sinh cho vận động viên, hỗ trợ chi phí điều trị, phục hồi khi gặp chấn thương hoặc tai nạn trong quá trình tập luyện, thi đấu, đồng thời tạo điều kiện để họ yên tâm cống hiến và phát triển sự nghiệp</p>
STT	Đội tuyển	Mức ăn hàng ngày																														
1	Đội tuyển cấp tỉnh	240.000																														
2	Đội tuyển trẻ cấp tỉnh	200.000																														
3	Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh	160.000																														
4	Đội tuyển cấp huyện	160.000																														
STT	Đội tuyển	Mức ăn hàng ngày																														
1	Đội tuyển cấp tỉnh	320.000																														
2	Đội tuyển trẻ cấp tỉnh	240.000																														
3	Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh	200.000																														
4	Đội tuyển cấp huyện	200.000																														

		thể thao.																												
<p>Điều 3. Chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh</p> <p>1. Chi tiền ăn trong quá trình tổ chức giải</p> <p>a) Tiền ăn cho các đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này (bao gồm cả thời gian tối đa 02 ngày trước ngày thi đấu để làm công tác chuẩn bị tổ chức giải, tập huấn trọng tài và 01 ngày sau thi đấu): 180.000 đồng/người/ngày.</p> <p>b) Tiền ăn cho huấn luyện viên, vận động viên thực hiện theo khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết này.</p> <p>c) Đối với các đối tượng thuộc diện hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được đảm bảo chế độ chi tiền ăn trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao sẽ không được thanh toán tiền phụ cấp lưu trú trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao theo quy định tại chế độ công tác phí hiện hành.</p>	<p>Điều 5. Quy định mức chi đối với các giải thi đấu giải thể thao</p> <p>1. Chi tiền ăn trong quá trình tổ chức giải</p> <p>a) Tiền ăn cho các đối tượng quy định tại điểm b khoản Điều 2 chương I của Nghị quyết này (bao gồm cả thời gian tối đa 01 ngày trước ngày thi đấu để làm công tác chuẩn bị giải, tập huấn trọng tài và 01 ngày sau thi đấu) 200.000 đồng/người/ngày.</p> <p>b) Tiền ăn cho huấn luyện viên, vận động viên theo khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết này.</p> <p>2. Tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ được tính theo ngày làm việc thực tế hoặc theo buổi thi đấu, trận đấu thực tế. Đối với các đối tượng mà tiền bồi dưỡng không tính được theo ngày làm việc mà tính theo buổi thi đấu hoặc trận đấu, thì mức thanh toán tiền bồi dưỡng được tính theo thực tế, nhưng tối đa không được vượt quá 3 trận đấu/người/ngày.</p> <p>Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất và không được thanh toán tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ trong thời gian làm nhiệm vụ.</p>	<p>- Nội dung kế thừa: Kế thừa nguyên tắc chi bồi dưỡng cho các lực lượng tham gia tổ chức giải gồm: Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, các tiểu ban chuyên môn, trọng tài, giám sát, thư ký; lực lượng công an, y tế, phục vụ; các nội dung chi tổ chức đồng diễn, điều hành trong thời gian tổ chức giải.</p> <p>- Nội dung sửa đổi, bổ sung: Điều chỉnh tăng mức chi: Mức bồi dưỡng tiền ăn cho thành viên ban tổ chức tăng 20.000 nghìn đồng tính khoảng 12% so với mức chi cũ. Mức chi làm nhiệm vụ tăng 100% và bằng 80% với mức chi quy định tại Thông tư 117/2025 phù hợp mặt bằng giá và thực tế tổ chức hiện nay; Bỏ phân cấp huyện chuyển sang quy định cho cấp cơ sở (xã, phường, ngành): Không còn quy định riêng cho cấp huyện, chuyển sang thống nhất theo mô hình chính quyền 02 cấp (tỉnh – xã); Quy định xử lý trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ (chỉ hưởng mức cao nhất);</p> <p>- Nội dung bãi bỏ, thay thế: Bãi bỏ toàn bộ quy định mức</p>																												
<table><tr><th>Số TT</th><th>Đối tượng hưởng</th><th>Mức chi</th></tr><tr><td>1</td><td>Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức; Trưởng, Phó các tiểu ban chuyên môn</td><td>95.000</td></tr><tr><td>2</td><td>Thành viên các tiểu ban chuyên môn</td><td>70.000</td></tr><tr><td>3</td><td>Giám sát, trọng tài chính (trừ Bóng đá)</td><td>70.000</td></tr><tr><td>4</td><td>Thư ký, trọng tài khác (trừ Bóng đá)</td><td>60.000</td></tr><tr><td>5</td><td>Công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục</td><td>50.000</td></tr></table>	Số TT	Đối tượng hưởng	Mức chi	1	Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức; Trưởng, Phó các tiểu ban chuyên môn	95.000	2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	70.000	3	Giám sát, trọng tài chính (trừ Bóng đá)	70.000	4	Thư ký, trọng tài khác (trừ Bóng đá)	60.000	5	Công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục	50.000	<table><tr><th rowspan="2">Số TT</th><th rowspan="2">Đối tượng hưởng</th><th colspan="2">Mức chi (đồng/người)</th></tr><tr><th>Cấp tỉnh</th><th>Cấp xã</th></tr><tr><td>1</td><td>Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức; Trưởng, Phó các tiểu ban chuyên môn</td><td>190.000/ngày</td><td>150.000/ngày</td></tr></table>	Số TT	Đối tượng hưởng	Mức chi (đồng/người)		Cấp tỉnh	Cấp xã	1	Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức; Trưởng, Phó các tiểu ban chuyên môn	190.000/ngày	150.000/ngày	
Số TT	Đối tượng hưởng	Mức chi																												
1	Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức; Trưởng, Phó các tiểu ban chuyên môn	95.000																												
2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	70.000																												
3	Giám sát, trọng tài chính (trừ Bóng đá)	70.000																												
4	Thư ký, trọng tài khác (trừ Bóng đá)	60.000																												
5	Công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục	50.000																												
Số TT	Đối tượng hưởng	Mức chi (đồng/người)																												
		Cấp tỉnh	Cấp xã																											
1	Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức; Trưởng, Phó các tiểu ban chuyên môn	190.000/ngày	150.000/ngày																											

	vụ và các lực lượng khác liên quan thực hiện nhiệm vụ tại các điểm tổ chức thi đấu			2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	160.000/ngày	130.000/ngày	<p>chỉ tại Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND (do mức chi thấp, căn cứ pháp lý hết hiệu lực). Bãi bỏ quy định riêng cho cấp huyện. Bãi bỏ cơ chế áp dụng văn bản cũ (Thông tư liên tịch 200/2011;...). Bãi bỏ mức chi bồi dưỡng đối với các giải thi đấu cấp quốc gia tổ chức tại tỉnh áp dụng theo Điều 4 Thông tư 117/2025/TT-BTC.</p> <p>- Lý do sửa đổi, bổ sung: Phù hợp quy định mới của pháp luật (đặc biệt là Thông tư 117/2025/TT-BTC); Phù hợp mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; Khắc phục mức chi thấp, không còn phù hợp thực tế; Bảo đảm đầy đủ cơ sở pháp lý cho lập dự toán, thanh quyết toán; Nâng cao chất lượng tổ chức giải, tăng tính chuyên nghiệp, thu hút lực lượng tham gia</p>
6	Giám sát, trọng tài Bóng đá 11 người	1.000.000		3	Giám sát, trọng tài chính (trừ Bóng đá)	190.000/buổi	150.000/buổi	
	Giám sát, trọng tài Bóng đá 7 người	700.000		4	Thư ký, trọng tài khác (trừ Bóng đá)	140.000/buổi	110.000/buổi	
	Giám sát, trọng tài Bóng đá 5 người	500.000		5	Công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan thực hiện nhiệm vụ tại các điểm tổ chức thi đấu	80.000/buổi	60.000/buổi	
				6	Trọng tài chính, trợ lý trọng tài, giám sát, điều phối viên giải bóng đá 5 người, bóng đá 7 người, bóng đá 11 người			
				a	Bóng đá 11 người			
				-	Trọng tài chính	320.000/buổi	250.000/buổi	

	-	Trợ lý trọng tài, giám sát	220.000/buổi	170.000/buổi	
	-	Điều phối viên	160.000/buổi	130.000/buổi	
	b	Giải bóng đá 5 người, bóng đá 7 người			
	-	Trọng tài chính	220.000/buổi	170.000/buổi	
	-	Trợ lý trọng tài, giám sát	160.000/buổi	130.000/buổi	
	-	Điều phối viên	120.000/buổi	100.000/buổi	
	7	Người tham gia đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ (Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao, Ngày hội, Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh, cấp xã)			
	-	Tập luyện	60.000/buổi	50.000/buổi	
	-	Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	90.000/buổi	70.000/buổi	
	-	Chính thức	160.000/buổi	130.000/buổi	
	-	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	140.000/buổi	100.000/buổi	
Điều 4. Mức thưởng bằng tiền tại các giải thi đấu			Điều 6. Mức thưởng bằng tiền tại các giải đấu		- Kế thừa quy định mức chi tại

thể thao				thể thao			
1. Mức thưởng bằng tiền tại giải thi đấu thể thao cấp tỉnh				1. Mức thưởng bằng tiền tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh:			
STT	Nội dung	Mức chi		thi đấu từng môn thể thao, thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật	Nội dung	Mức chi	
		Đại hội Thể dục thể thao (định kỳ 04 năm/lần)	Giải đấu môn thể thao, thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật			Đại hội Thể dục thể thao (định kỳ 04 năm/lần)	Giải thi đấu từng môn thể thao, Hội thi thể thao, Giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật
1	Giải cá nhân				Đơn vị tính: đồng/huy chương (giải)		
	Huy chương vàng (giải nhất)	1.200.000	1.000.000		Huy chương vàng (giải nhất)	1.500.000	1.200.000
	Huy chương bạc (giải nhì)	900.000	800.000		Huy chương bạc (giải nhì)	1.200.000	900.000
	Huy chương đồng (giải ba)	600.000	500.000		Huy chương đồng (giải ba)	900.000	600.000
2	Giải đôi				Giải đôi		
	Huy chương vàng (giải nhất)	1.700.000	1.500.000		Huy chương vàng (giải nhất)	2.000.000	1.700.000
	Huy chương bạc (giải nhì)	1.300.000	1.200.000		Huy chương bạc (giải nhì)	1.700.000	1.300.000
	Huy chương đồng (giải ba)	900.000	800.000		Huy chương đồng (giải ba)	1.300.000	1.000.000
3	Giải đồng đội (các môn mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi) mức thưởng bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng của giải cá nhân				Giải đồng đội		
					Huy chương vàng (giải nhất)	2.000.000	1.700.000
					Huy chương bạc (giải nhì)	1.700.000	1.300.000
					Huy chương đồng (giải ba)	1.300.000	1.000.000

Nghị quyết 11/2021/NQ-HĐND chi về tiền thưởng tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh. Đề nghị tăng mức chi lên khoảng 20%.

- Lý do mức chi cũ không còn phù hợp sau nhiều năm áp dụng, biến động tăng về chỉ số giá tiêu dùng, giá cả thực tế điều chỉnh mức chi để phù hợp với các quy định tài chính mới tạo động lực cho vận động viên thi đấu khuyến khích phong trào thể dục thể thao quần chúng trên địa bàn tỉnh.

	tương ứng				chương bạc (giải nhì)		
	Huy chương vàng (giải nhất)	số người x 600.000	số người x 500.000				
	Huy chương bạc (giải nhì)	số người x 450.000	số người x 400.000		Huy chương đồng (giải ba)	1.300.000	900.000
	Huy chương đồng (giải ba)	số người x 300.000	số người x 250.000				
4	Giải thể thao mang tính tập thể						
4.1	Môn bóng đá 11 người				Giải đồng đội (các môn mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi) mức thưởng bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng của giải cá nhân tương ứng		
	Huy chương vàng (giải nhất)	10.000.000	8.000.000	3			
	Huy chương bạc (giải nhì)	7.000.000	6.000.000				
	Huy chương đồng (giải ba)	5.000.000	4.000.000				
4.2	Môn bóng đá 7 người				Huy chương vàng (giải nhất)	số người x 1.000.000	số người x 850.000
	Huy chương vàng (giải nhất)	8.000.000	7.000.000		Huy chương bạc (giải nhì)	số người x 850.000	số người x 650.000
	Huy chương bạc (giải nhì)	6.000.000	5.000.000		Huy chương đồng (giải ba)	số người x 650.000	số người x 450.000
	Huy chương đồng (giải ba)	4.000.000	3.000.000				
4.3	Môn bóng đá 5 người						
	Huy chương vàng (giải nhất)	7.000.000	5.000.000	4	Giải thể thao mang tính tập thể		
	Huy chương bạc (giải nhì)	5.000.000	3.000.000	4.1	Môn bóng đá 11 người		

	Huy chương đồng (giải ba)	3.000.000	2.000.000		Huy chương vàng (giải nhất)	15.000.000	10.000.000	
4.4	Môn bóng chuyền, bóng rổ							
	Huy chương vàng (giải nhất)	8.000.000	7.000.000		Huy chương bạc (giải nhì)	10.000.000	8.000.000	
	Huy chương bạc (giải nhì)	6.000.000	5.000.000					
	Huy chương đồng (giải ba)	4.000.000	3.000.000		Huy chương đồng (giải ba)	7.000.000	6.000.000	
4.5	Môn bóng chuyền hơi							
	Huy chương vàng (giải nhất)	7.000.000	5.000.000	4.2	Môn bóng đá 7 người			
	Huy chương bạc (giải nhì)	5.000.000	3.000.000		Huy chương vàng (giải nhất)	10.000.000	8.000.000	
	Huy chương đồng (giải ba)	3.000.000	2.000.000					
4.6	Môn kéo co				Huy chương bạc (giải nhì)	8.000.000	6.000.000	
	Huy chương vàng (giải nhất)	7.000.000	5.000.000					
	Huy chương bạc (giải nhì)	5.000.000	3.000.000		Huy chương đồng (giải ba)	6.000.000	4.000.000	
	Huy chương đồng (giải ba)	3.000.000	2.000.000					
5	Giải toàn đoàn							
	Giải nhất	20.000.000	15.000.000					
	Giải nhì	15.000.000	12.000.000					
	Giải ba	10.000.000	8.000.000	4.3	Môn			

		bóng đá 5 người			
		<i>Huy chương vàng (giải nhất)</i>	<i>8.000.000</i>	<i>7.000.000</i>	
		<i>Huy chương bạc (giải nhì)</i>	<i>6.000.000</i>	<i>5.000.000</i>	
		<i>Huy chương đồng (giải ba)</i>	<i>4.000.000</i>	<i>3.000.000</i>	
	4.4	Môn bóng chuyền, bóng rổ			
		<i>Huy chương vàng (giải nhất)</i>	<i>10.000.000</i>	<i>8.000.000</i>	
		<i>Huy chương bạc (giải nhì)</i>	<i>8.000.000</i>	<i>6.000.000</i>	
		<i>Huy chương đồng</i>	<i>6.000.000</i>	<i>4.000.000</i>	

		(giải ba)			
	4.5	Môn bóng chuyền hơi			
		Huy chương vàng (giải nhất)	7.000.000	5.000.000	
		Huy chương bạc (giải nhì)	5.000.000	3.000.000	
		Huy chương đồng (giải ba)	3.000.000	2.000.000	
	4.6	Môn kéo co			
		Huy chương vàng (giải nhất)	7.000.000	5.000.000	
		Huy chương bạc (giải nhì)	5.000.000	3.000.000	
		Huy	3.000.000	2.000.000	

		<i>chương đồng (giải ba)</i>			
	5	Giải toàn đoàn			
		<i>Giải nhất</i>	<i>25.000.0 00</i>	<i>20.000.000</i>	
		<i>Giải nhì</i>	<i>20.000.0 00</i>	<i>15.000.000</i>	
		<i>Giải ba</i>	<i>15.000.0 00</i>	<i>12.000.000</i>	